

Bản án số: 41/2018/DS-PT

Ngày: 23 - 02 - 2018

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Huyền Trân

Ông Ngô Dũng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 96/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐ-PT ngày 29/01/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1971;

Cư trú: Số 288, tổ 10, ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Có mặt

2. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1964; Vắng mặt

3. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1968; Có mặt

4. Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1969; Có mặt

5. Ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1947; Vắng mặt

Cùng cư trú: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

6. Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1966; Vắng mặt

Cư trú: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

7. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1963; Vắng mặt

Cư trú: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

8. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1973; Vắng mặt

Cư trú: Ấp K, xã V, huyện C, tỉnh An Giang

9. Bà Lê Thị Bích N, sinh năm 1956, Vắng mặt

Cư trú: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:*

1. Ông Huỳnh Hữu D, sinh năm 1962; Có mặt

2. Ông Huỳnh Tấn B, sinh năm 1981, Có mặt

Cùng cư trú: Số 291, tổ 10, ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị N, sinh năm 1965; Có mặt

2. Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1989; Có mặt

3. Bà Võ Thị T, sinh năm 1988; Vắng mặt

4. Cháu Huỳnh Văn G, sinh năm 2010;

5. Cháu Huỳnh Đức V, sinh năm 2014;

Cùng cư trú: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Cháu G và V do anh T, bà T đại diện theo pháp luật.

Ông T, bà T ủy quyền cho ông Huỳnh Hữu D theo văn bản ủy quyền ngày 12.7.2017. Có mặt

6. Ông Huỳnh Nhựt H, sinh năm 1977; Vắng mặt

7. Ông Huỳnh Thanh K, sinh năm 1981; Vắng mặt

8. Ông Huỳnh Thanh P, sinh năm, 1983; Vắng mặt

Cùng cư trú: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

9. Bà Huỳnh Thị E, sinh năm 1979; Vắng mặt

Cư trú: Ấp Phú Thượng 3, xã Kiến An, huyện C, tỉnh An Giang.

10. Bà Huỳnh Thu H, sinh năm 1986, Vắng Mặt

Cư trú: Ấp K, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn Huỳnh Văn P, Huỳnh Thị K, bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn G, ông Huỳnh Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn P, trình bày: Ông là con ông Huỳnh Văn S (Chết năm 2006), lúc còn sống cha ông có diện tích đất 5171 m² theo tờ Trích lục

địa bộ ngày 18.9.1959. Năm 1993 cha ông kê khai đăng ký 2700 m² đất nông nghiệp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01298 ngày 15.10.1993, còn lại 2.990 m² chưa được cấp giấy, nguyên nhân do phía ông D, ông B, bà N, ông Tấn tranh chấp. Trước đây không nhớ năm nào cha ông có cho ông D, ông B, bà N, ông Tấn ở trên phần đất thổ cư khoảng 160m, không có giấy tờ. Nay ông yêu cầu ông D, ông B, bà N, ông Tấn phải tháo dỡ di dời các vật công trình kiến trúc có trên đất trả lại phần đất cho ông.

Bà Lê Thị Bích N, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị K, Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn M, Huỳnh Văn G trình bày: Chúng tôi là anh, chị em ruột với P, thống nhất như lời trình bày của P, phần đất này trước đây ông nội chúng tôi cho ở nhờ chứ không cho luôn, khi nào dòng họ cần sử dụng thì gia đình ông D, ông B, bà N, ông Tấn phải trả lại cho anh.

+ Bị đơn: Ông Huỳnh Hữu D, ông Huỳnh Tấn B, trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn. Cha, ông nội chúng tôi là Huỳnh Hữu X (chết năm 1995) mua diện tích đất này của ông Huỳnh Văn F (ông Nội của P), khi mua không có giấy tờ gì nhưng có người làm chứng là ông Nguyễn Văn A, Trần Văn R, Mai Thanh Q, Huỳnh Văn I, Nguyễn Thị C, Lê Thị O, Trần Văn R biết rất rõ. Khi cha chúng tôi chết ông S có ra chỉ ranh chôn cất, năm 2000 ông S kiện, tại ban hòa giải xã hai bên thương lượng xuống trụ ranh, phần đất hiện nay chúng tôi chưa được cấp giấy nhưng chúng tôi đã làm nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ. Phía gia đình P yêu cầu trả lại diện tích đất trên chúng tôi không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị N trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông D, ông B, không có ý kiến nào khác.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 96/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp quyền sử dụng đất của anh Huỳnh Văn P, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị K, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị T, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn M, Huỳnh Văn G và Lê Thị Bích N.

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí; chi phí định giá; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 03/10/2017, của ông Huỳnh Văn P, bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị K, bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn G và bà Lê Thị Bích N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

- Xác minh làm rõ nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của gia đình các ông bà;

- Ban hành văn bản yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang xác minh thông tin đất tranh chấp có nằm trong địa bộ của ông Huỳnh Văn Sôi hay không.

- Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C theo hướng buộc ông Huỳnh Hữu D, bà Nguyễn Thị N, ông Huỳnh Thanh T, ông Huỳnh Tấn B tháo dỡ

di dời nhà, vật kiến trúc trả lại cho các ông bà diện tích đất 267m² mà gia đình các ông bà đã cho ông Huỳnh Hữu D, bà Nguyễn Thị N, ông Huỳnh Thanh T, ông Huỳnh Tấn B ở nhờ tại các mốc điểm 1,2,3,4 với diện tích 267m² theo bản vẽ hiện trạng ngày 23/6/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn trình bày: Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Huỳnh Văn P, Huỳnh Thị K, bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn G, ông Huỳnh Văn M; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 96/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền xét xử như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 22/9/2017, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn Huỳnh Văn P, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị K, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị T, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn M, Huỳnh Văn G và Lê Thị Bích N với bị đơn ông Huỳnh Hữu D, ông Huỳnh Tấn B; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Thị N, Huỳnh Thanh T, Võ Thị T, Huỳnh Văn G, Huỳnh Đức V, Huỳnh Nhật H, Huỳnh Thanh K, Huỳnh Thanh P, Huỳnh Thị E, Huỳnh Thu H, theo bản án số 96/2017/DS-ST. Đến ngày 03/10/2017, các nguyên đơn có đơn kháng cáo bản án. Xét về thời hạn kháng cáo, người có quyền kháng cáo đã đảm bảo theo đúng qui định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên thẩm quyền giải quyết phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Các đương sự đều có lời khai thống nhất phần diện tích đất 267m² mà gia đình ông Huỳnh Hữu D, ông Huỳnh Tấn B đang sử dụng có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn F(ông nội của các nguyên đơn). Nguyên đơn cho rằng gia đình của ông

D ở tạm trên phần đất của gia đình nguyên đơn, còn phía bị đơn thì cho rằng đã mua phần đất này từ ông nội của các nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét: Phía nguyên đơn cho rằng gia đình nguyên đơn đã cho gia đình bị đơn ở tạm trên phần đất đang tranh chấp, nay nguyên đơn đòi bị đơn phải trả lại là không có cơ sở. Bởi lẽ, các lời khai của những người làm chứng là những người ở cùng xóm với ông P và ông D gồm bà Nguyễn Thị C, bà Lê Thị O, ông Trần Văn M (Yêm), ông Nguyễn Văn A và những người có mối quan hệ bà con với các đương sự như ông Huỳnh Văn Thuyền, ông Mai Thanh Q, ông Trần Văn Chanh, đều trình bày diện tích đất gia đình ông D đang sử dụng có nguồn gốc từ ông nội của ông D đã mua lại từ ông nội của ông P và sử dụng ổn định phần đất này trên 60 năm, điều này phù hợp với lời trình bày của bị đơn Huỳnh Hữu D. Mặt khác, thực tế trên phần đất tranh chấp mà gia đình ông D, ông B đang sử dụng có ngôi mộ của cha ruột ông D được chôn cất từ năm 1995, cho thấy rằng nếu như chỉ cho ở tạm thì chắc chắn gia đình nguyên đơn sẽ không cho gia đình ông D chôn cất ngôi mộ tại phần đất này. Tại phiên tòa sơ thẩm ông P khai trước đây gia đình ông có cho ông Huỳnh Văn Tấn ở nhờ, gia đình ông Tấn đã trả đất lại cho gia đình ông vào năm 2013 và gia đình ông D cũng sử dụng luôn cho đến nay (Biên bản phiên tòa ngày 22/9/2017 bút lục số 215). Nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 15.01.2016 bà Lê Thị Nhạn (vợ ông Tấn) trình bày “Trước đây vợ chồng tôi không có đất ở nên hỏi ông Huỳnh Hữu D cất nhà ở tạm, không có mua bán hay cầm cố gì cả, năm 2014 tôi có mua được phần đất khác nên dỡ nhà trả lại đất cho ông D...”. Ngoài ra nguyên đơn khai có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế luôn cả phần đất của bị đơn đang ở nhưng tại biên bản xác minh ngày 07/7/2017 của Tòa án, lời khai của ông Nguyễn Minh Sơn (cán bộ thu thuế ấp Nhơn Hiệp, xã Nhơn Mỹ) thì gia đình của ông P chỉ nộp thuế đối với phần đất nông nghiệp đang canh tác và phần đất thổ cư là nhà của ông P đang ở, ngoài ra thì không có nộp thuế đối với phần đất nào khác. Điều này thể hiện lời trình bày của nguyên đơn là không đúng.

Từ những phân tích trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là không có cơ sở nên án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài lời khai ra phía nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét khác mà nghĩ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn P, bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị K, bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn G và bà Lê Thị Bích N không được chấp nên các ông bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

+ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn P, bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị K, bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn G và bà Lê Thị Bích N.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 96/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Ông Huỳnh Văn P, bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị K, bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn G và bà Lê Thị Bích N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0014366 ngày 03/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn phòng;
- Tòa dân sự;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Linh